

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2021
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Phước Tâm.
2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 557/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp 5, xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp A, xã Nhị M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Trúc M là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng sống chung với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhị M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2015. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L có mối quan hệ bên ngoài làm cho vợ chồng không còn tiếng nói chung. Trong thời gian chung sống, anh L bạo lực gia đình với chị M, sự việc có gia đình hai bên biết. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, không ai muốn hàn gắn tình cảm.

Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thành Vinh, sinh ngày 11/10/2015. Hiện nay con chung đang sống với anh L. Khi ly hôn chị M đồng ý để con chung cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng và chị M không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Nguyễn Duy L đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị M nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

+ Trích lục khai sinh con chung (bản sao).

+ Giấy CMND Nguyễn Thị Trúc M và SHK (photo).

+ Đơn xác nhận nơi cư trú của chị Nguyễn Thị Trúc M (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Trúc M có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Duy L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Nguyễn Duy L là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp A, xã Nhị M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Duy L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M, anh L chung sống với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhị M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2015, do đó hôn nhân giữa chị M và anh L là hợp pháp. Chị M cho

rằng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L có mối quan hệ bên ngoài làm cho vợ chồng không còn tiếng nói chung. Trong thời gian chung sống, anh L bạo lực gia đình với chị M, sự việc có gia đình hai bên biết. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, không ai muốn hàn gắn tình cảm.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Nguyễn Duy L tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh L vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị M. Xét thấy giữa chị M và anh L không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay chị M yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị M và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị M.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thành Vinh, sinh ngày 11/10/2015. Hiện nay con chung đang sống với anh L. Khi ly hôn chị M đồng ý để con chung cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng và chị M không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy con chung đang sống với anh L và chị M đồng ý để con chung cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó để con chung tên Nguyễn Thành Vinh, sinh ngày 11/10/2015 cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị M không cấp dưỡng nuôi con do anh L không có yêu cầu.

Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Chị M trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, anh L không có ý kiến đối với phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị M trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết, anh L không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

** Về án phí:*

Chị Nguyễn Thị Trúc M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51,

khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Trúc M:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc M được ly hôn với anh Nguyễn Duy L.
- Về con chung: Anh Nguyễn Duy L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thành Vinh, sinh ngày 11/10/2015. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không có yêu cầu.

Chị M được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Chị M trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, anh L không có ý kiến đối với phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị M trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết, anh L không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004426 ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy tiền án phí chị M đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã Nhị M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Võ Thị Ngọc Minh